

Số: 02/2017/TT-BTP

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động
thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự**

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, gồm các nội dung sau:

1. Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Cục Thi hành án dân sự), Chi cục Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thi hành án dân sự).

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (sau đây gọi là lãnh đạo cấp vụ thuộc Tổng cục); lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, lãnh đạo các phòng chuyên môn hoặc tương đương thuộc Cục Thi hành án dân sự (sau đây gọi là lãnh đạo cấp phòng thuộc Cục); lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức và quy trình tổ chức thi tuyển vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp các cơ quan thi hành án dân sự; hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên không qua thi tuyển trong một số trường hợp quy định tại các khoản 6, 7 Điều 18 Luật thi hành án dân sự; trình tự, thủ tục bổ nhiệm Thẩm tra viên thi hành án dân sự.

4. Mẫu, màu sắc, nguyên tắc cấp phát, sử dụng trang phục; nguyên tắc cấp phát, sử dụng phù hiệu, cấp hiệu của Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án, công chức khác, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi chung là người làm công tác thi hành án dân sự) đang làm việc tại Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự; mẫu, nguyên tắc cấp phát, thay đổi và thu hồi thẻ Chấp hành viên, thẻ Thẩm tra viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự bao gồm: Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan thi hành án dân sự bao gồm: Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện và Phòng Thi hành án cấp quận.

3. Công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan quản lý thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Nhân sự tại chỗ” quy định tại Thông tư này bao gồm những công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm.

2. “Nhân sự từ cơ quan khác” quy định tại Thông tư này bao gồm những công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị bên ngoài cơ quan, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm.

Chương II

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

Các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự ngoài bảo đảm các tiêu chuẩn riêng cho từng chức danh tương ứng phải bảo đảm các tiêu chuẩn chung sau đây:

1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; có ý thức đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng; pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Gương mẫu về đạo đức, lối sống, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tác phong làm việc dân chủ, gần bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị và đáp ứng các Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp.

3. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật cao; có tinh thần học hỏi, nghiên cứu, sáng tạo, năng động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Có ý thức và khả năng nghiên cứu, hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Nhà nước; được đào tạo và có kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học.

5. Có khả năng quy tụ; tập hợp được sức mạnh của toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và phối hợp tốt với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Không lạm dụng chức vụ, quyền hạn và để người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình mưu lợi riêng.

Điều 5. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

1. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, chịu trách nhiệm trước Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật trong việc lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Cục Thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật; bảo đảm để Cục Thi hành án dân sự hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các đơn vị thuộc Cục trong việc tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Thi hành án dân sự; quản lý,

chỉ đạo công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của pháp luật;

c) Tổng kết thực tiễn công tác quản lý của đơn vị, kiến nghị và tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện cơ chế quản lý cũng như cơ chế chính sách quản lý các hoạt động của đơn vị;

d) Lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện các chủ trương, đề án, kế hoạch, chương trình công tác; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định khác có liên quan;

b) Đã tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với những công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc công chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số thì không bắt buộc phải có tiêu chuẩn ngoại ngữ nêu trên;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

đ) Đã từng đảm nhiệm chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, trừ trường hợp là nhân sự ngoài các cơ quan thi hành án dân sự được tiếp nhận và bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc đang là Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự được bổ nhiệm trước ngày Thông tư số 13/2013/TT-BTP ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 11 năm 2013).

Điều 6. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

1. Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự là Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, giúp Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác của đơn vị; thay mặt Cục trưởng điều hành công việc của Cục khi được ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Cục trưởng;

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Cục, Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc Cục thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Tham mưu, đề xuất với Cục trưởng các chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Cục trưởng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn của Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định khác có liên quan;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Chánh Văn phòng

1. Chánh Văn phòng là người đứng đầu Văn phòng Cục, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành Văn phòng Cục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật đối với các hoạt động của Văn phòng. Chánh Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc của Văn phòng;

b) Phân công công việc đối với các Phó Chánh Văn phòng, công chức, người lao động thuộc Văn phòng; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với công chức, người lao động thuộc quyền quản lý;

c) Tổ chức phối hợp công tác với các phòng chuyên môn hoặc tương đương thuộc Cục, các Chi cục Thi hành án dân sự trên địa bàn;

d) Tham mưu giúp Cục trưởng phối hợp công tác với các cơ quan, ban, ngành hữu quan; đôn đốc, chỉ đạo tổng hợp việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, nội quy, quy chế của Cục;

đ) Kiểm soát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công chức, người lao động thuộc Văn phòng trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

e) Giúp Cục trưởng quản lý việc chấp hành thời gian làm việc và nội quy, quy chế của cơ quan;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Thủ trưởng đơn vị.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Đang ở ngạch Chuyên viên hoặc tương đương trở lên;

c) Có trình độ trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với những công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp